

Bản án số: 03 /2020/HNGĐ-PT  
Ngày: 04 /5 /2020  
V/v “Ly hôn, nuôi con chung và  
chia tài sản chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hương

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Hoàng Hữu Truyền

2. Bà Đàm Thị Minh Hương

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Ông Nông Quốc Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Sầm Văn K – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn, có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn – Phòng giao dịch huyện C, đại diện theo ủy quyền là ông Hà Trường G – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C; Tại văn bản ủy quyền số: 243 ngày 24/9/2019;

có mặt

*Người kháng cáo:* Chị Hà Thị T

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 15/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:*

Chị T và anh C kết hôn với nhau từ năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại thôn N, xã T, đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị đã bỏ về bên nhà bố mẹ tại thôn T, xã T, huyện C sinh sống từ đó đến nay, trong cuộc sống anh C không chịu lao động, không giúp chị làm ăn lo toan cuộc sống gia đình. Nay chị thấy không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Thị Phương C, sinh ngày 03/8/2012 cháu bị khuyết tật hở hàm ếch. Hiện nay cháu đang học lớp 1c (Lớp dành cho trẻ em bị thiểu năng trí tuệ) tại Trung tâm giáo dục trẻ em khuyết tật tỉnh Bắc Kạn. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Anh , chị có hai thửa đất lâm nghiệp, 01 căn nhà cột gỗ vách nứa, lợp prô xi măng do được Nhà nước hỗ trợ 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và người dân trong thôn N, xã T hỗ trợ ngày công làm nhà (Căn nhà được dựng năm 2009 trước khi anh C kết hôn với chị T). Khi ly hôn, chị T không yêu cầu chia tài sản đối với hai thửa đất rừng, nhất trí giao hai thửa đất lâm nghiệp trên cho anh C sử dụng. Anh C phải thanh toán cho chị T số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) là  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà.

Về nợ chung: Hai anh chị có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để mua trâu sinh sản, nhưng chị T đã bán trâu để lấy tiền trang trải thuốc men và mua sữa cho con. Khi ly hôn chị yêu cầu anh C phải có trách nhiệm trả số nợ trên.

*Bị đơn anh Nguyễn Đình C trình bày:* Anh thừa nhận thời gian và điều kiện kết hôn như chị T khai là đúng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hòa thuận và hạnh phúc, một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn giữa chị T với chị gái bên chồng. Vì vậy, năm 2013 chị T đã đem con về quê mẹ để ở thôn T, xã T sinh sống. Trong thời gian từ năm 2013 đến nay anh C vẫn đi lại hai bên, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Bản thân anh C là người khuyết tật, hiện đang hưởng trợ cấp xã hội, sức khỏe không bảo đảm, không có khả năng làm những công việc nặng nhọc, nên cuộc sống vợ chồng gặp nhiều khó khăn nên thỉnh thoảng có lời qua tiếng lại nhưng sau đó lại hòa thuận, anh C vẫn đi lại thăm vợ

con. Nay anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm nên anh không nhất trí ly hôn và mong muốn chị T suy nghĩ lại quay về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng cuộc sống và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Như chị T trình bày là đúng, nếu ly hôn, chị T không có khả năng nuôi con, thì anh C sẽ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có hai thửa đất lâm nghiệp là tài sản chung, còn ngôi nhà anh C được Nhà nước hỗ trợ và bà con thôn N làm cho năm 2009 trước khi kết hôn với chị T. Nay anh C không nhất trí chia các tài sản trên.

Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện C với số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để mua trâu sinh sản, nhưng chị T đã bán trâu, nay chị T đang quản lý tiền bán trâu, anh yêu cầu chị T phải có trách nhiệm trả số tiền nợ cho Ngân hàng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bắc Kạn – Phòng giao dịch huyện Chợ Mới do ông Hà Trường G đại diện trình bày:* Theo hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội, phòng giao dịch huyện C, thì chị T là người đứng tên vay vốn vào tháng 4/2019, số tiền vay là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi suất 6,6%/năm mục đích vay vốn là mua trâu sinh sản. Nay Ngân hàng yêu cầu chị T và anh Chiến phải có trách nhiệm thanh toán món nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng trước khi Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị T là người đứng tên nên phải chịu trách nhiệm chính trong việc thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới áp dụng các Điều 28, 35, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH16, ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### *Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị T với bị đơn anh Nguyễn Đình C. Chị Hà Thị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn sau 1 năm, kể từ ngày bản án của Tòa án bác yêu cầu ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 10 năm 2019 chị T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn chị T có ý kiến: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và yêu cầu anh Chiến phải có trách nhiệm trả số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tiền vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện C.

Bị đơn anh C có ý kiến: Không nhất trí ly hôn vì vợ chồng chưa xảy ra mâu thuẫn gì lớn, đôi khi có cãi vã nhau nhưng chỉ là lời qua tiếng lại nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày sau đó lại cùng nhau sống hòa thuận. Việc chị T bỏ về bên ngoại là do có mâu thuẫn xích mích với chị gái của anh C. Từ khi chị chuyển đi sang bên xã Tở anh vẫn thường xuyên sang bên T sinh sống cùng chị và con, thì thoảng một tháng anh mới về thăm bố 1-2 lần. Thời gian ở cùng nhà bố mẹ chị T anh có giúp vợ con và gia đình bố mẹ chị Thuần làm việc, lao động. Tuy nhiên vì sức khỏe hạn chế nên đôi khi anh Chiến cũng không giúp chị làm được những việc nặng.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bắc Kạn – Phòng giao dịch huyện C ông Hà Trường G đại diện có ý kiến: Vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị chị T và anh C phải có trách nhiệm thanh toán món nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng trước khi Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị T là người đứng tên nên phải chịu trách nhiệm chính trong việc thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tham gia phiên tòa phúc thẩm trình bày ý kiến: Về quan hệ hôn nhân. Chị T và anh C kết hôn tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm: nhận thấy hai anh chị không có gì mâu thuẫn, cả hai người đều là người khuyết tật. Tại phiên tòa chị T không đưa ra được lý do mâu thuẫn vợ chồng. Căn cứ các Điều 51, 54 luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị bác đơn ly hôn và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định. Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí: Chị T được miễn án phí theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Xét kháng cáo của chị T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử cho chị được ly hôn với anh C, vì chị cho rằng trong thời gian vợ chồng chung sống xảy

ra mâu thuẫn, anh C không chịu lao động giúp chị nuôi con, nay chị cảm thấy không muốn chung sống với anh C và muốn được ly hôn, do bản thân chị bị bệnh tật và con cũng bệnh tật nên chị yêu cầu anh C phải có trách nhiệm đối với khoản tiền vay ngân hàng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Hà Thị T kết hôn với anh Nguyễn Đình C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, như vậy việc kết hôn của chị T và anh C là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn chị T về sinh sống cùng anh C tại nhà riêng của anh C, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Việc chị T chuyển về bên nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã T, huyện C sinh sống nguyên nhân là do giữa chị với chị gái anh C có xảy ra xích mích và từ khi chị chuyển về bên ngoại ở anh C vẫn qua lại thăm nom chị và con và cùng chị chung sống chủ yếu ở T, thỉnh thoảng anh C mới về nhà bên T, chị cũng công nhận trong cuộc sống vợ chồng chưa xảy ra mâu thuẫn gì lớn chỉ thỉnh thoảng có lời qua tiếng lại cãi vã nhau nhưng sau đó lại hòa thuận, chủ yếu do vì anh C ít khi giúp chị lo toan cuộc sống gia đình nên chị muốn ly hôn. Vì vậy, từ tháng 7/2019 chị T không cho anh C sang bên T với chị vì khi đó chị đã làm đơn xin ly hôn anh nên chị bảo anh C dọn đồ về bên nhà anh sinh sống, mặc dù giữa hai người vẫn đang sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì. Theo kết quả xác minh ở địa phương tại 02 nơi mà anh, chị cư trú cho thấy: Cả hai nơi chưa nhận được thông tin phản ánh về mâu thuẫn hay bạo lực gia đình cũng như chưa có yêu cầu chính quyền can thiệp, hòa giải đối với vợ chồng chị T, anh C. Việc chị T cho rằng anh C lười lao động, không giúp đỡ chị lo toan công việc gia đình. Theo kết quả xác minh tại Văn hóa xã và Trạm y tế xã T thì anh C cũng là người khuyết tật nặng (dạng khuyết tật thần kinh tâm thần) và là đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng, do vậy sức khỏe không đảm bảo, không có khả năng làm những công việc nặng nhọc, mặc dù vậy những lúc khỏe anh vẫn cùng chị làm những công việc trong gia đình và biết chị T bệnh tật (kiêng gắp lửa) nên anh đã thường xuyên làm công việc nội trợ để đỡ dần chị. Anh C khẳng định tình cảm hai vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, vẫn còn có tình cảm nên anh tha thiết được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung và phát triển kinh tế gia đình.

[3] Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C chưa phải là mâu thuẫn trầm trọng, lý do chị T đưa ra để xin ly hôn là chưa thỏa đáng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ. Yêu cầu kháng cáo của chị Hà Thị T không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về con chung: Xét thấy về tình trạng hôn nhân của chị T với anh Chiến chưa đủ căn cứ để cho ly hôn nên không xem xét, giải quyết các vấn đề nuôi con chung, tài sản và nợ chung.

[5] Từ các căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của nguyên đơn chị Hà Thị T không có căn cứ chấp nhận cần bác toàn bộ kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị T thuộc diện hộ nghèo và là người khuyết tật có đơn xin miễn án phí, xét thấy chị Thuần thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn chị Hà Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị T với anh Nguyễn Đình C.

3. Về án phí: Chị Hà Thị T được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND huyện Chợ Mới;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự ;
- UBND xã T, huyện Chợ Mới;
- Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP (HCTP)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thu Hương**